Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 20.11.2026 15:00:15 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 415/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 88/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 120/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 115/2025/QH15 và Luật số 20/2026/QH16;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực tương ứng để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt

1. Đối tượng bị xử phạt bao gồm tổ chức, cá nhân Việt Nam, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư; tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, công nghệ cao;

c) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

d) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật về hợp tác xã;

đ) Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

e) Đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

g) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

h) Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

i) Các tổ chức khác có hành vi vi phạm trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.

3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Các hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, e, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền;

b) Buộc bàn giao kết quả nghiên cứu, công nghệ, trang thiết bị, tài liệu cho tổ chức, cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật;

c) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập;

d) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hành vi vi phạm;

đ) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy công nhận bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp;

e) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật;

g) Buộc thực hiện đầy đủ việc phân chia lợi nhuận từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định;

h) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật;

i) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ là 01 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:

a) Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

b) Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

c) Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều này và các điểm a, b khoản này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh việc xử phạt thì thời gian cố tình trốn tránh không tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh việc xử phạt.

Điều 5. Quy định về mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Cá nhân có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

3. Thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Chương IV Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức. Trường hợp phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức.

Điều 6. Thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc hoàn trả tài sản, kinh phí hỗ trợ, tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã chiếm dụng bất hợp pháp hoặc sử dụng không đúng mục đích thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ tài sản, kinh phí hỗ trợ, tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã chiếm dụng bất hợp pháp hoặc sử dụng không đúng mục đích cho cơ quan,

tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý, cấp hoặc giao kinh phí theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

b) Việc hoàn trả phải được lập thành văn bản hoặc có tài liệu chứng minh việc hoàn trả và gửi cho người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để theo dõi, kiểm tra việc thi hành.

2. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thực hiện đầy đủ việc phân chia lợi nhuận từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm rà soát, xác định lại doanh thu, chi phí, lợi nhuận phát sinh từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo đúng quy định của pháp luật và các thỏa thuận có liên quan;

b) Việc xác định lại doanh thu, chi phí, lợi nhuận phải bảo đảm khách quan, trung thực, đầy đủ, có căn cứ chứng minh hợp pháp và phản ánh đúng thực tế hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm thực hiện việc phân chia lợi nhuận đúng đối tượng, đúng tỷ lệ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận hợp pháp đã được xác lập;

d) Kết quả xác định lại doanh thu, chi phí, lợi nhuận; tài liệu chứng minh việc phân chia lợi nhuận và các tài liệu có liên quan phải được gửi cho người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để theo dõi, kiểm tra việc thi hành.

3. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc hoàn trả đầy đủ phần lợi nhuận phải phân chia đã bị chiếm dụng từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm xác định đầy đủ phần lợi nhuận phải phân chia đã bị chiếm dụng từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để hoàn trả cho tổ chức, cá nhân có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Việc hoàn trả phần lợi nhuận bị chiếm dụng phải được thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng, đúng thời hạn theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Việc hoàn trả phải được lập thành văn bản hoặc có tài liệu chứng minh việc hoàn trả; tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm gửi tài liệu chứng minh việc hoàn trả cho người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để theo dõi, kiểm tra việc thi hành.

4. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ thì thực hiện như sau:

a) Số lợi bất hợp pháp là khoản lợi ích vật chất được quy đổi thành tiền mà tổ chức, cá nhân có được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính và phải nộp theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân cùng thực hiện hành vi vi phạm thì số lợi bất hợp pháp phải nộp lại được xác định tương ứng với phần lợi ích mà từng tổ chức, cá nhân thực tế thu được; trường hợp không xác định được thì chia đều theo trách nhiệm tham gia thực hiện hành vi vi phạm;

b) Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này bao gồm tiền, tài sản, quyền tài sản, kinh phí hỗ trợ, tài trợ, đặt hàng, khoản lợi nhuận, doanh thu, lợi ích kinh tế hoặc lợi ích vật chất khác mà tổ chức, cá nhân có được từ hành vi vi phạm và được xác định như sau:

Số lợi bất hợp pháp thu được bằng tiền là toàn bộ khoản tiền tổ chức, cá nhân thực tế thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính, bao gồm tiền từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh phí hỗ trợ, tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc các khoản thu khác có liên quan đến hành vi vi phạm;

Trường hợp số lợi bất hợp pháp có được từ việc hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi, tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trái quy định thì số lợi bất hợp pháp được xác định là toàn bộ khoản kinh phí, tài sản, lợi ích vật chất mà tổ chức, cá nhân đã nhận hoặc được hưởng trái quy định;

Số lợi bất hợp pháp thu được từ việc chiếm dụng, không phân chia hoặc phân chia không đúng quy định lợi nhuận từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là toàn bộ phần lợi nhuận mà tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm phải phân chia nhưng đã chiếm dụng, giữ lại hoặc sử dụng trái quy định;

Số lợi bất hợp pháp là giấy tờ có giá, quyền tài sản hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị thực tế tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm hoặc theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán, hồ sơ tài chính, hợp đồng, chứng từ hoặc tài liệu có liên quan;

Trường hợp tài sản, công nghệ, thiết bị, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài liệu hoặc quyền tài sản có được từ hành vi vi phạm đã được chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán hoặc không còn tồn tại thì số lợi bất hợp pháp được xác định theo giá trị thị trường của tài sản, công nghệ, thiết bị, kết

quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài liệu hoặc quyền tài sản tương đương tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

c) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến việc xác định số lợi bất hợp pháp theo yêu cầu của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp không cung cấp được hoặc cung cấp không đầy đủ thì người có thẩm quyền xử phạt căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được để xác định số lợi bất hợp pháp theo quy định của pháp luật;

d) Việc nộp lại số lợi bất hợp pháp phải được thực hiện trong thời hạn ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính; việc nộp lại phải có tài liệu chứng minh và gửi cho người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để theo dõi, kiểm tra việc thi hành.

5. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn biện pháp khắc phục hậu quả được quy định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chịu chi phí thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

b) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu và báo cáo kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo yêu cầu của người có thẩm quyền xử phạt; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu và báo cáo đã cung cấp;

c) Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của tổ chức, cá nhân vi phạm;

d) Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm chưa thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng biện pháp khắc phục hậu quả đã được quyết định thì người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu thực hiện đầy đủ theo quyết định xử phạt và áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt;

đ) Trường hợp việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả cần có sự phối hợp về chuyên môn, kỹ thuật hoặc thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành khác, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp kiểm tra, giám sát hoặc đánh giá kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật;

e) Kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả phải được kiểm tra, đánh giá và lưu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 7. Xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

1. Chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm trên môi trường điện tử

a) Chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm hành chính trên môi trường điện tử (sau đây viết tắt là chứng cứ điện tử) là dữ liệu điện tử, thông điệp dữ liệu được tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về dữ liệu. Chứng cứ điện tử được thu thập trực tiếp hoặc trực tuyến trên hệ thống thông tin của tổ chức, cá nhân vi phạm hoặc thu thập trên các cơ sở dữ liệu được công bố công khai theo quy định của pháp luật;

b) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá giá trị chứng minh của chứng cứ điện tử theo quy định tại Điều 11 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Việc đánh giá phải căn cứ vào độ tin cậy của phương thức tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ dữ liệu; biện pháp bảo vệ tính toàn vẹn; phương thức xác định chủ thể khởi tạo, chủ thể gửi, chủ thể nhận và những yếu tố liên quan khác;

Khi kiểm tra tính toàn vẹn, phải xem xét các thay đổi của thông tin kể từ lần đầu được tạo lập dưới dạng thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh, phân biệt thay đổi nội dung với thay đổi hình thức phát sinh khi gửi, lưu trữ hoặc hiển thị. Trường hợp sử dụng thông điệp dữ liệu với giá trị như bản gốc thì phải đáp ứng các yêu cầu tại Điều 10 Luật Giao dịch điện tử năm 2023;

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp dữ liệu, thông tin, tài liệu cần thiết để xác minh nguồn gốc, độ tin cậy, tính toàn vẹn của chứng cứ điện tử và chứng minh hành vi vi phạm. Kết quả kiểm tra, đánh giá và tài liệu xác minh phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

c) Chứng cứ điện tử được thu thập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có giá trị pháp lý, là căn cứ để xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

2. Lập biên bản vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

a) Biên bản vi phạm hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định này là biên bản được lập, ký số hoặc xác nhận điện tử, gửi, nhận bằng phương thức điện tử trên hệ thống thông tin phục vụ xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Mẫu Biên bản vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP. Việc quản lý, phát hành, lưu trữ biên bản vi phạm hành chính trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

b) Việc lập biên bản vi phạm hành chính trên môi trường điện tử phải bảo đảm xác thực được danh tính của người lập biên bản, người vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức vi phạm, người chứng kiến (nếu có), người phiên dịch (nếu có). Thông tin, dữ liệu trong biên bản không bị thay đổi sau khi được ký số hoặc xác nhận điện tử theo quy định; bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật về an ninh mạng;

c) Biên bản vi phạm hành chính trên môi trường điện tử được người có thẩm quyền lập biên bản ký số. Người vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức vi phạm, người chứng kiến (nếu có), người phiên dịch (nếu có) ký số hoặc xác nhận biên bản thông qua tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử, pháp luật về giao dịch điện tử. Việc xác nhận thông qua tài khoản định danh điện tử có giá trị như chữ ký trên biên bản lập bằng văn bản giấy. Hệ thống thông tin phải ghi nhận, lưu trữ thông tin tài khoản, thời điểm xác nhận và bảo đảm nội dung biên bản không bị thay đổi sau khi xác nhận. Trường hợp những người này không có chữ ký số và không có tài khoản định danh điện tử hoặc không thể thực hiện việc xác nhận điện tử thì biên bản vi phạm hành chính được lập bằng văn bản giấy theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Biên bản vi phạm hành chính lập trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý như biên bản được lập bằng văn bản giấy, là căn cứ để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

a) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử là quyết định được lập, ký số, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương thức điện tử trên hệ thống thông tin phục vụ xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử phải được người có thẩm quyền xử phạt ký số bằng chữ ký số có giá trị pháp lý và có chữ ký số của cơ quan, đơn vị ban hành quyết định theo quy định của pháp luật về công tác văn thư; toàn bộ nội dung, dữ liệu của quyết định phải được lưu trữ an toàn, bảo mật, bảo đảm tính toàn vẹn sau khi ban hành;

Hệ thống thông tin phục vụ xử lý vi phạm hành chính phải ghi nhận, lưu trữ thời điểm quyết định được nhập vào hệ thống thông qua tài khoản định danh điện tử (VNeID), tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc phương thức điện tử khác theo quy định của pháp luật và có thể truy cập được; đồng thời ghi nhận việc người nhận xác nhận, truy cập, tải hoặc mở quyết định;

Thời điểm quyết định được coi là đã gửi, nhận hợp lệ thực hiện theo khoản 3 Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP. Trường hợp người nhận không xác nhận, truy cập, tải hoặc mở quyết định thì quyết định được coi là đã giao khi hết 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định được nhập vào hệ thống thông tin theo điểm c khoản 5 Điều 17a Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP làm căn cứ xác định thời hạn thi hành.

Trường hợp không đáp ứng điều kiện thực hiện bằng phương thức điện tử hoặc không thể gửi, nhận do lỗi kỹ thuật, sai thông tin hoặc không xác minh được danh tính người nhận thì thực hiện việc gửi, giao quyết định bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý như quyết định được ban hành bằng văn bản giấy, là căn cứ để tổ chức thi hành quyết định xử phạt, thực hiện thu, nộp tiền phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

4. Điều kiện thực hiện xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử; việc gửi, nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

5. Việc quản lý, phát hành, lưu trữ, hình thức sao quyết định xử phạt, biên bản vi phạm hành chính trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư.

Điều 8. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện cùng một hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt đối với từng lần vi phạm.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều lần cùng một hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này và các lần vi phạm được phát hiện tại cùng một thời điểm, chưa bị xử phạt và còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thì chỉ xử phạt 01 hành vi và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

3. Các hành vi có tính chất kéo dài hoặc nghĩa vụ thực hiện thường xuyên, liên tục hoặc định kỳ quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, công khai thông tin theo quy định của pháp luật;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định việc đăng ký, cập nhật, điều chỉnh thông tin, kê khai, thông báo hoặc các nghĩa vụ quản lý thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ lập, lưu giữ, quản lý hồ sơ, tài liệu, dữ liệu theo quy định của pháp luật;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoàn trả kinh phí, tài sản, khoản hỗ trợ, khoản thu hồi, lợi nhuận hoặc các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

đ) Không duy trì hoặc duy trì không đầy đủ các điều kiện hoạt động trong suốt quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật;

e) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn hoặc các yêu cầu quản lý khác phải duy trì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;

g) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu, bảo mật thông tin, quản lý dữ liệu hoặc quản lý tài sản hình thành từ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;

h) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quản lý, theo dõi, giám sát, cập nhật thông tin hoặc các nghĩa vụ khác phải thực hiện thường xuyên, liên tục hoặc định kỳ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân được loại trừ trách nhiệm hành chính đối với rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 9 và Điều 22 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Hành vi không thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Nghị định này chỉ bị xử phạt khi yêu cầu được thể hiện bằng văn bản của người có thẩm quyền, nêu rõ nội dung, thời hạn thực hiện và đã được thông báo hợp lệ cho tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Việc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự

1. Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Các hành vi quy định tại Nghị định này cần xem xét dấu hiệu tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự bao gồm:

a) Làm sai lệch hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; che giấu, tiêu hủy, sửa chữa trái phép hồ sơ, tài liệu hoặc dữ liệu nghiên cứu nhằm làm sai lệch kết quả thực hiện nhiệm vụ; làm giả, sửa chữa, tẩy xóa hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu, dữ liệu nhằm làm sai lệch nội dung quản lý, theo dõi hoặc đánh giá nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; làm sai lệch kết quả đánh giá, chấm điểm hồ sơ tuyển chọn hoặc hồ sơ giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12, các điểm a, b khoản 3 Điều 13 và điểm b khoản 4 Điều 15 Nghị định này;

b) Cung cấp, công bố hoặc quảng bá sai sự thật về kết quả nghiên cứu nhằm thu hút đầu tư, huy động vốn, nhận tài trợ hoặc thu lợi bất hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định này;

c) Chiếm hữu, sử dụng hoặc thương mại hóa trái phép kết quả nghiên cứu thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác; chiếm đoạt, sử dụng trái phép kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định này;

d) Lập khống hồ sơ, tài liệu, sản phẩm, kết quả nghiên cứu hoặc tài liệu khác để được thanh toán, giải ngân, hỗ trợ hoặc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Nghị định này;

đ) Chiếm dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19 Nghị định này;

e) Làm hư hỏng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 19 Nghị định này;

g) Lập khống hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ, sản phẩm hoặc kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để được sử dụng kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; lập khống hồ sơ, tài liệu, chứng từ, sản phẩm hoặc kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ để được vay vốn, hỗ trợ vốn hoặc nhận kinh phí từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; chiếm dụng vốn vay, vốn hỗ trợ hoặc kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20, điểm a và điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định này;

h) Hủy hoại, làm mất, tiêu hủy hoặc che giấu hồ sơ, tài liệu, dữ liệu nghiên cứu nhằm cản trở việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoặc xác minh của cơ quan có thẩm quyền; can thiệp trái pháp luật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm sai lệch hoặc mất dữ liệu theo quy định tại các điểm c, d khoản 4 Điều 15 Nghị định này;

i) Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng hoặc chia sẻ trái pháp luật thông tin, dữ liệu, kết quả nghiên cứu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, dữ liệu hạn chế tiếp cận, thuộc phạm vi quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân; chuyển giao, tiết lộ trái phép bí mật nhà nước, thông tin thuộc danh mục bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh hoặc dữ liệu thuộc phạm vi bảo vệ của Nhà nước thông qua hoạt động hợp tác quốc tế; mua, bán, tiếp nhận, tiết lộ, sử dụng hoặc chuyển giao trái pháp luật bí mật công nghệ, dữ liệu hoặc thông tin liên quan đến công nghệ cao, công nghệ chiến lược theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 15, điểm c khoản 3 Điều 36 và khoản 2 Điều 40 Nghị định này;

k) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật hoặc sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật hoặc sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo để được chấp thuận chuyển giao công nghệ hoặc cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ; sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo phục vụ việc thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45 và điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định này;

l) Giả mạo hồ sơ, tài liệu, làm sai lệch thông tin trong hoạt động môi giới, tư vấn, kết nối, giao dịch hoặc xúc tiến chuyển giao công nghệ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 50 Nghị định này;

m) Kê khai không trung thực hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về hoạt động chuyển giao công nghệ để được hưởng các khoản hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 51 Nghị định này;

n) Làm giả hoặc sử dụng Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển giả; gian lận, giả mạo hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ, kết quả nghiên cứu hoặc thành tích khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để được tuyển dụng, công nhận, bổ nhiệm hoặc hưởng chính sách ưu đãi đối với nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; giả mạo hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ, kết quả nghiên cứu hoặc thành tích khoa học nhằm được công nhận, tuyển chọn hoặc hưởng chính sách đối với nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 33 và điểm a khoản 3 Điều 34 Nghị định này;

o) Chiếm dụng hoặc sử dụng trái pháp luật kinh phí, tài sản, cơ sở vật chất được Nhà nước hỗ trợ cho nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 34 Nghị định này.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT

VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 10. Vi phạm quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở, gây khó khăn, làm hạn chế quyền thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm giải trình đối với kết quả nghiên cứu trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Áp dụng trái quy định của pháp luật các điều kiện, tiêu chí, thủ tục làm hạn chế quyền tự chủ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân;

b) Cản trở hoặc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm tra, giám sát, thẩm định trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện hành vi trái pháp luật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Chiếm đoạt, sử dụng trái phép kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bàn giao kết quả nghiên cứu, công nghệ, trang thiết bị, tài liệu cho tổ chức, cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con

người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

d) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc công bố, công khai kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Không thực hiện việc xử lý, khai thác, chuyển giao hoặc bàn giao kết quả nghiên cứu theo quy định sau khi nhiệm vụ được đánh giá.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bàn giao kết quả nghiên cứu, công nghệ, trang thiết bị, tài liệu cho tổ chức, cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định việc công khai thông tin về tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm lưu giữ hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

c) Không thực hiện việc công khai kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định;

b) Thành lập hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng thành phần hoặc điều kiện theo quy định;

c) Không thực hiện việc đánh giá hồ sơ theo tiêu chí, phương pháp hoặc quy trình đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành;

d) Không thực hiện việc thay đổi thành viên hội đồng, chuyên gia tư vấn thuộc trường hợp phải từ chối tham gia hoặc có xung đột lợi ích theo quy định;

đ) Quyết định giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thuộc trường hợp được giao trực tiếp theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực trong hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Làm sai lệch kết quả đánh giá, chấm điểm hồ sơ tuyển chọn hoặc hồ sơ giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Can thiệp trái quy định vào hoạt động tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm làm thay đổi kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp;

d) Thông đồng giữa tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ với thành viên hội đồng, chuyên gia tư vấn hoặc người có thẩm quyền nhằm được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp trái quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm quản lý tài sản, thiết bị, vật tư được giao để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Không thực hiện việc báo cáo, giải trình khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ không đúng nội dung nghiên cứu, mục tiêu, sản phẩm hoặc tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thay đổi nội dung nghiên cứu chính, phương pháp nghiên cứu, sản phẩm dự kiến hoặc các nội dung quan trọng khác của nhiệm vụ mà không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ hoạt động kiểm soát, quản trị rủi ro đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc trường hợp phải áp dụng cơ chế quản trị rủi ro theo quy định;

d) Chuyển giao toàn bộ hoặc một phần nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện trái quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm sai lệch hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Che giấu, tiêu hủy, sửa chữa trái phép hồ sơ, tài liệu hoặc dữ liệu nghiên cứu nhằm làm sai lệch kết quả thực hiện nhiệm vụ mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản, dữ liệu hoặc sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trái quy định trong thời gian thực hiện nhiệm vụ;

d) Không thực hiện biện pháp xử lý rủi ro theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền gây hại đến sức khỏe con người, môi trường, quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích công cộng;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi đã có quyết định đình chỉ, tạm dừng hoặc chấm dứt thực hiện của cơ quan có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bàn giao kết quả nghiên cứu, công nghệ, trang thiết bị, tài liệu cho tổ chức, cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều này;

c) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2, điểm d khoản 3 và khoản 4 Điều này;

d) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định việc tổ chức đánh giá định kỳ, đánh giá giữa kỳ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc trường hợp phải đánh giá;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ việc đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

c) Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, biên bản, tài liệu liên quan đến hoạt động đánh giá nhiệm vụ theo quy định;

d) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ kết quả đánh giá nhiệm vụ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định;

b) Thành lập hội đồng đánh giá không đúng thành phần, tiêu chuẩn hoặc điều kiện theo quy định;

c) Không thực hiện việc thay đổi thành viên hội đồng, chuyên gia đánh giá thuộc trường hợp có xung đột lợi ích hoặc không bảo đảm tính độc lập, khách quan theo quy định;

d) Đánh giá không căn cứ vào mục tiêu, nội dung, sản phẩm hoặc tiêu chí đánh giá đã được phê duyệt;

đ) Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng với kết quả đánh giá hoặc không đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu không trung thực phục vụ hoạt động đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đánh giá hoặc thông đồng giữa tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ với thành viên hội đồng, chuyên gia đánh giá nhằm làm thay đổi, làm sai lệch kết quả đánh giá nhiệm vụ;

c) Công nhận kết quả đánh giá đối với nhiệm vụ không đáp ứng yêu cầu về mục tiêu, sản phẩm chủ yếu hoặc tiêu chí đánh giá đã được phê duyệt.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm b, d khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về quản lý, lưu giữ, cập nhật, công bố, cung cấp thông tin, dữ liệu và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, thống kê, cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu theo quy định;

b) Cung cấp không đầy đủ thông tin, dữ liệu, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không thực hiện việc nộp lưu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc trường hợp phải nộp lưu vào cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc lưu giữ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu nghiên cứu; việc số hóa hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc quản lý hồ sơ, dữ liệu điện tử theo quy định;

b) Không bảo đảm tính đầy đủ, tính chính xác, tính thống nhất, tính toàn vẹn hoặc khả năng truy xuất của hồ sơ, tài liệu, dữ liệu theo quy định;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ hoặc khai thác dữ liệu với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Từ chối, không cung cấp hoặc cản trở việc cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không công bố hoặc công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đầy đủ, không chính xác hoặc không đúng phạm vi được phép công bố theo quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp, kê khai, báo cáo hoặc cập nhật thông tin, tài liệu, dữ liệu sai sự thật về nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Làm giả, sửa chữa, tẩy xóa hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu, dữ liệu nhằm làm sai lệch nội dung quản lý, theo dõi hoặc đánh giá nhiệm vụ, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Hủy hoại, làm mất, tiêu hủy hoặc che giấu hồ sơ, tài liệu, dữ liệu nghiên cứu nhằm cản trở việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoặc xác minh của cơ quan có thẩm quyền mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Can thiệp trái pháp luật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm sai lệch hoặc mất dữ liệu mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng hoặc chia sẻ trái pháp luật thông tin, dữ liệu, kết quả nghiên cứu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, dữ liệu hạn chế tiếp cận, thuộc phạm vi quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung thông tin, dữ liệu về nhiệm vụ hoặc hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, các điểm a, b khoản 3 và điểm e khoản 4 Điều này;

d) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 4 Điều này;

e) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về phổ biến, công bố, thương mại hóa kết quả nghiên cứu

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu trong trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc phổ biến, công bố kết quả nghiên cứu theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ báo cáo về việc khai thác, ứng dụng, chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Công bố kết quả nghiên cứu không đầy đủ, không chính xác hoặc gây hiểu nhầm về nội dung, giá trị khoa học hoặc khả năng ứng dụng của kết quả nghiên cứu;

b) Chuyển giao, khai thác hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước khi chưa được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cho phép theo quy định;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc xác định giá trị kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ hoặc công nghệ trước khi khai thác, chuyển giao hoặc thương mại hóa trong trường hợp pháp luật có quy định;

d) Không thực hiện việc quản lý, theo dõi hoặc hạch toán doanh thu từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp, công bố hoặc quảng bá sai sự thật về kết quả nghiên cứu nhằm thu hút đầu tư, huy động vốn, nhận tài trợ hoặc thu lợi bất hợp pháp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Chiếm hữu, sử dụng hoặc thương mại hóa trái phép kết quả nghiên cứu thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Che giấu doanh thu, lợi nhuận hoặc các khoản thu phát sinh từ hoạt động khai thác, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ chia sẻ lợi ích;

d) Sử dụng kết quả nghiên cứu hình thành từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước không đúng mục đích hoặc trái quy định của pháp luật;

đ) Chuyển giao, chuyển nhượng hoặc góp vốn bằng kết quả nghiên cứu, công nghệ hoặc tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trái quy định của pháp luật;

e) Không thực hiện nghĩa vụ phân chia lợi nhuận, chia sẻ lợi ích hoặc hoàn trả phần lợi ích phải nộp cho Nhà nước theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 3 Điều này;

b) Buộc bàn giao kết quả nghiên cứu, công nghệ, trang thiết bị, tài liệu cho tổ chức, cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm b, d, đ khoản 3 Điều này;

c) Buộc thực hiện đầy đủ việc phân chia lợi nhuận từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định đối với hành vi quy định tại các điểm c, e khoản 3 Điều này;

d) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này;

đ) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

e) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc quản lý, theo dõi kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo về quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong trường hợp pháp luật quy định phải báo cáo.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu được xác lập theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc trường hợp Nhà nước nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu không đúng phạm vi, mục đích hoặc điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện nghĩa vụ liên quan đến quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong trường hợp pháp luật quy định cụ thể nghĩa vụ phải thực hiện.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc trường hợp Nhà nước nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu trái quy định của pháp luật;

b) Che giấu, tẩu tán hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu về quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Sử dụng trái phép kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc quyền quản lý, sử dụng hoặc quyền sở hữu của Nhà nước;

d) Không thực hiện việc bàn giao kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong trường hợp pháp luật quy định phải bàn giao.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bàn giao kết quả nghiên cứu, công nghệ, trang thiết bị, tài liệu cho tổ chức, cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, c, d khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng nội dung chi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa làm thay đổi mục tiêu, kết quả chính của nhiệm vụ;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ quản lý, theo dõi, lưu giữ hồ sơ, tài liệu chứng minh việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng phạm vi, mục tiêu, nội dung nghiên cứu hoặc nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt;

b) Sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã bị đình chỉ, tạm dừng hoặc chấm dứt thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoàn trả phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập khống hồ sơ, tài liệu, sản phẩm, kết quả nghiên cứu hoặc tài liệu khác để được thanh toán, giải ngân, hỗ trợ hoặc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Không hoàn trả kinh phí, tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng và xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc quản lý, theo dõi riêng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, cung cấp hoặc cập nhật thông tin về tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong trường hợp pháp luật có quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc tiếp nhận, quản lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng mục đích thực hiện nhiệm vụ theo quy định;

b) Cho mượn, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc giao cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trái quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện việc quản lý, sử dụng hoặc xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán, chuyển nhượng, tặng cho, cầm cố, thế chấp, góp vốn hoặc định đoạt tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trái quy định của pháp luật;

b) Chiếm dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Làm hư hỏng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 3, các điểm a, b khoản 4 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định;

b) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ thông tin về việc quản lý, sử dụng Quỹ theo quy định;

c) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng Quỹ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không đúng nội dung, chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

b) Sử dụng Quỹ để thực hiện hoạt động không thuộc mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thu hồi, hoàn trả kinh phí Quỹ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

d) Không thực hiện việc theo dõi, quản lý riêng các khoản kinh phí được sử dụng từ Quỹ theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập khống hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ, sản phẩm hoặc kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để được sử dụng kinh phí từ Quỹ mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sử dụng kinh phí của Quỹ cho mục đích cá nhân hoặc mục đích khác không thuộc phạm vi hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về quản lý và sử dụng Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc theo dõi, quản lý riêng nguồn vốn vay, vốn hỗ trợ hoặc kinh phí hỗ trợ từ Quỹ theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, vốn hỗ trợ hoặc kinh phí hỗ trợ từ Quỹ theo quy định;

c) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý Quỹ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ báo cáo kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ được Quỹ hỗ trợ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoàn trả vốn vay, vốn hỗ trợ có điều kiện hoàn trả theo quy định hoặc theo cam kết đã ký với Quỹ;

b) Chuyển giao, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn hoặc sử dụng tài sản được hình thành từ nguồn vốn của Quỹ trái quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập khống hồ sơ, tài liệu, chứng từ, sản phẩm hoặc kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ để được vay vốn, hỗ trợ vốn hoặc nhận kinh phí từ Quỹ mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sử dụng vốn vay, vốn hỗ trợ hoặc kinh phí hỗ trợ từ Quỹ vào mục đích cá nhân hoặc mục đích khác không thuộc nội dung được phê duyệt;

c) Chiếm dụng vốn vay, vốn hỗ trợ hoặc kinh phí hỗ trợ từ Quỹ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Sử dụng vốn vay, vốn hỗ trợ hoặc kinh phí hỗ trợ trái quy định dẫn đến việc phải thu hồi toàn bộ hoặc một phần nguồn vốn đã được hỗ trợ theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Không thực hiện quyết định thu hồi vốn vay, vốn hỗ trợ hoặc kinh phí hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về đầu tư mạo hiểm cho đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chế độ theo dõi, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư mạo hiểm theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động đầu tư mạo hiểm cho đổi mới sáng tạo theo quy định;

c) Không lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động đầu tư mạo hiểm cho đổi mới sáng tạo theo quy định;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định của pháp luật;

đ) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư mạo hiểm hoặc trong thỏa thuận đầu tư với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng vốn đầu tư mạo hiểm được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn có hỗ trợ của Nhà nước không đúng mục đích theo phương án đã được phê duyệt;

b) Thay đổi mục tiêu, nội dung hoặc phương án sử dụng vốn đầu tư mạo hiểm thuộc trường hợp phải được chấp thuận theo quy định;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm quản lý, giám sát dẫn đến thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư mạo hiểm có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn hỗ trợ của Nhà nước;

d) Không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả hoặc nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận hỗ trợ đầu tư.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư mạo hiểm, hỗ trợ huy động vốn hoặc các ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động đổi mới sáng tạo;

b) Lập hồ sơ giả hoặc kê khai không trung thực nhằm huy động vốn đầu tư mạo hiểm hoặc nhận hỗ trợ từ Nhà nước;

c) Sử dụng vốn đầu tư mạo hiểm có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn hỗ trợ của Nhà nước sai mục đích gây thất thoát, lãng phí nguồn lực nhà nước;

d) Chiếm dụng, sử dụng trái phép, không hoàn trả vốn, tài sản hoặc khoản hỗ trợ đầu tư theo quy định;

đ) Che giấu, làm sai lệch thông tin về kết quả hoạt động đổi mới sáng tạo, kết quả nghiên cứu, kết quả kinh doanh hoặc tình trạng tài chính nhằm huy động vốn đầu tư mạo hiểm hoặc duy trì việc hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước;

e) Lợi dụng cơ chế đầu tư mạo hiểm cho đổi mới sáng tạo để trục lợi;

g) Sử dụng vốn đầu tư mạo hiểm để thực hiện hoạt động không liên quan đến đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo hoặc phát triển công nghệ theo nội dung đã cam kết.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại các điểm a, d khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm b, d khoản 1 Điều này;

c) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định trong hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ các thông tin phải công khai theo quy định;

c) Không lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị nghiên cứu được Nhà nước giao quản lý theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm quản lý đối với chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị trực thuộc theo quy định;

c) Cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động không đúng lĩnh vực hoạt động đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Không duy trì điều kiện hoạt động theo quy định trong thời gian hoạt động;

c) Sử dụng tên gọi, biểu tượng hoặc tư cách pháp lý của tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện hoạt động ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phép hoạt động;

d) Thực hiện không đúng trình tự, thủ tục giải thể tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a, c khoản 3 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết thủ tục đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Không thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ khi thuộc trường hợp phải cấp lại theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thành lập hoặc tổ chức hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện không đúng nội dung đã được đăng ký;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ đã hết hiệu lực do được cấp thay đổi, bổ sung, cấp lại hoặc đã có quyết định thu hồi, hủy bỏ hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ khi có thay đổi thuộc trường hợp phải đăng ký theo quy định;

d) Không thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp pháp luật quy định phải đăng ký;

b) Kê khai không trung thực hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện hoạt động trái quy định của pháp luật;

d) Mượn, thuê, nhận chuyển nhượng hoặc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ khác để hoạt động trái quy định của pháp luật;

đ) Thành lập hoặc duy trì hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ nhằm hợp thức hóa việc hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước trái quy định;

e) Lợi dụng danh nghĩa tổ chức khoa học và công nghệ để huy động vốn, tiếp nhận tài trợ, tiếp nhận nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước trái quy định;

g) Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi có thay đổi;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo quy định khi được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước dành cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Không lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ hồ sơ chứng minh việc tạo ra, sở hữu, sử dụng hoặc chuyển giao kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

d) Không thực hiện việc công khai hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì điều kiện được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định nhưng không thực hiện thủ tục điều chỉnh hoặc chấm dứt việc hưởng chính sách ưu đãi;

b) Sử dụng kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp để duy trì điều kiện công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Kê khai không đầy đủ hoặc không chính xác doanh thu từ sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

d) Không thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc khắc phục các điều kiện không còn đáp ứng để được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Gian lận hoặc cung cấp thông tin sai sự thật để được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ hoặc kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân khác trái pháp luật để được công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Lợi dụng việc công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ để hưởng ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước trái quy định;

d) Tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi đã bị thu hồi;

đ) Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn hoặc sử dụng Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ trái quy định;

e) Chiếm dụng, sử dụng sai mục đích hoặc không hoàn trả kinh phí hỗ trợ, tài trợ của Nhà nước dành cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định;

g) Che giấu thông tin liên quan đến việc xác định điều kiện công nhận hoặc hưởng ưu đãi của doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

h) Lợi dụng danh nghĩa doanh nghiệp khoa học và công nghệ để huy động vốn, tiếp nhận tài trợ, tiếp nhận nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trái quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm g khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc thông báo hoặc đề nghị điều chỉnh thông tin công nhận khi có thay đổi;

b) Không thực hiện chế độ cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về trung tâm nghiên cứu và phát triển theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì điều kiện làm căn cứ để được công nhận là trung tâm nghiên cứu và phát triển theo quy định;

b) Sử dụng Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển đã hết hiệu lực hoặc tiếp tục sử dụng Giấy công nhận khi đã có quyết định thu hồi;

c) Không thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc bổ sung, điều chỉnh thông tin liên quan đến việc công nhận theo quy định;

d) Lợi dụng việc được công nhận là trung tâm nghiên cứu và phát triển để hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước trái quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kê khai không trung thực hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật trong hồ sơ đề nghị công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển;

b) Tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển;

c) Làm giả hoặc sử dụng Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển giả mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Cho thuê, cho mượn, cho sử dụng hoặc sử dụng Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển của tổ chức khác để thực hiện hoạt động hoặc hưởng chính sách, ưu đãi trái quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy công nhận bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về hoạt động tạp chí khoa học

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy trình xét chọn bài báo khoa học theo quy định;

b) Không bảo đảm mỗi bài báo khoa học được phản biện bởi ít nhất 02 phản biện độc lập đáp ứng yêu cầu chuyên môn và không có xung đột lợi ích theo quy định;

c) Sử dụng người phản biện không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu giữ hồ sơ phản biện, hồ sơ xét chọn bài báo theo thời hạn và nội dung quy định;

b) Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc cung cấp thông tin phục vụ việc đánh giá tạp chí khoa học theo quy định;

c) Không duy trì các điều kiện của tạp chí khoa học đã được công nhận theo quy định trong thời gian còn hiệu lực;

d) Không thực hiện yêu cầu khắc phục của cơ quan có thẩm quyền sau khi có kết luận đánh giá hoặc kiểm tra về việc duy trì tiêu chuẩn tạp chí khoa học.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tham gia xét chọn, quyết định đăng bài trái quy định trong trường hợp có xung đột lợi ích;

b) Quyết định công bố bài báo có kết luận vi phạm liêm chính khoa học theo quy định của pháp luật;

c) Sử dụng hồ sơ, tài liệu không chính xác, không trung thực để được công nhận hoặc duy trì tiêu chuẩn tạp chí khoa học;

d) Sử dụng danh hiệu hoặc công bố là tạp chí khoa học đạt tiêu chuẩn sau khi đã có quyết định thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực công nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm c, d khoản 3 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin, số liệu phục vụ công tác đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chậm quá thời hạn theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện đánh giá;

b) Không thực hiện hoặc không phối hợp thực hiện đầy đủ yêu cầu giải trình của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện đánh giá.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin, số liệu phục vụ công tác đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc cản trở hoạt động của đoàn đánh giá, hội đồng đánh giá, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ đánh giá;

b) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ, không đúng thời hạn kết quả đánh giá theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện đánh giá không đúng quy trình, phương pháp, bộ tiêu chí đánh giá đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt;

b) Tổ chức đánh giá độc lập tiết lộ thông tin, dữ liệu, kết quả đánh giá hoặc bí mật công nghệ của đối tượng được đánh giá trái quy định.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Khai báo sai lệch số liệu, làm giả hồ sơ, tài liệu hoặc che giấu thông tin nhằm làm sai lệch kết quả đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Can thiệp trái quy định vào quá trình đánh giá nhằm làm sai lệch kết quả đánh giá chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ hoặc tổ chức khoa học và công nghệ.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định trong cơ chế thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện thử nghiệm vượt thời hạn được cấp phép mà không được gia hạn theo quy định;

b) Không cung cấp đầy đủ thông tin về rủi ro cho người tham gia thử nghiệm trước khi tham gia theo quy định;

c) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ thông tin về rủi ro của thử nghiệm theo quy định;

d) Thu thập, sử dụng dữ liệu trong quá trình thử nghiệm không đúng mục đích đã được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện thử nghiệm vượt phạm vi nội dung, quy mô hoặc đối tượng đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Không tuân thủ điều kiện, yêu cầu an toàn đã được phê duyệt trong quá trình thử nghiệm;

c) Thay đổi điều kiện thử nghiệm khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

d) Không thực hiện đầy đủ biện pháp bảo đảm an toàn cho người tham gia thử nghiệm theo quy định;

đ) Không bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu thu thập trong quá trình thử nghiệm;

e) Chia sẻ, chuyển giao dữ liệu thử nghiệm trái quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Che giấu hoặc cung cấp thông tin sai sự thật về rủi ro trong quá trình thử nghiệm;

b) Không thực hiện việc tạm dừng hoặc chấm dứt thử nghiệm khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tiếp tục thử nghiệm khi đã phát sinh rủi ro vượt ngưỡng cho phép theo quy định.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại các điểm b, d khoản 2 và các điểm b, c khoản 3 Điều này gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động thử nghiệm có kiểm soát từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 2, các điểm b, c khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này;

d) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc thông báo hoặc đề nghị điều chỉnh thông tin công nhận khi có thay đổi;

b) Không thực hiện chế độ cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì một trong các tiêu chí làm căn cứ để được công nhận là tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo theo quy định;

b) Sử dụng Giấy công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo đã hết hiệu lực hoặc tiếp tục sử dụng Giấy công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo khi đã có quyết định thu hồi;

c) Tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung Giấy công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo;

d) Cho thuê, cho mượn, cho sử dụng hoặc sử dụng Giấy công nhận của tổ chức, cá nhân khác để thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo hoặc hưởng chính sách, ưu đãi trái quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, d khoản 2 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy công nhận bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo về hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định;

b) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ thông tin về phạm vi hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định;

c) Không thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh thông tin đã đăng ký hoặc đã được công nhận khi có thay đổi theo quy định;

d) Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì một trong các tiêu chí để được công nhận là tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định;

b) Hoạt động không đúng phạm vi, nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

c) Cung cấp thông tin, tài liệu không đầy đủ hoặc không chính xác trong quá trình duy trì công nhận hoặc kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền;

d) Sử dụng danh nghĩa tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo để thực hiện hoạt động không thuộc chức năng, nhiệm vụ đã được công nhận.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kê khai hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được công nhận là tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo;

b) Cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng hoặc sử dụng trái phép Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, d khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm b, d khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động khởi nghiệp sáng tạo;

b) Không thực hiện việc đăng ký thay đổi hoặc thông báo thay đổi thông tin đã được công nhận theo quy định;

c) Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện được công nhận là tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì một trong các tiêu chí để được công nhận là tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo theo quy định;

b) Sử dụng danh nghĩa tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được công nhận để thực hiện hoạt động không phù hợp với mục tiêu, nội dung đã được công nhận;

c) Cung cấp thông tin, tài liệu không đầy đủ hoặc không chính xác trong quá trình kiểm tra, giám sát hoặc đánh giá việc duy trì điều kiện được công nhận.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kê khai hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được công nhận là tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo;

b) Cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng hoặc sử dụng trái phép Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 33. Vi phạm quy định về nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến chuyên gia, nhà khoa học được tuyển dụng, tiếp nhận hoặc trọng dụng theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, cập nhật thông tin về nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

c) Không lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ hồ sơ chứng minh trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cá nhân theo quy định;

d) Không thực hiện việc công khai tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn, tuyển dụng hoặc sử dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kê khai không đầy đủ hoặc không chính xác thông tin về trình độ chuyên môn, thành tích khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc năng lực đổi mới sáng tạo của cá nhân;

b) Tuyển chọn, tuyển dụng hoặc bố trí nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ, chính sách hỗ trợ, trọng dụng đối với nhà khoa học, chuyên gia hoặc nhân tài khoa học, công nghệ theo quy định;

d) Không thực hiện việc đánh giá, phân loại hoặc xác nhận kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Gian lận, giả mạo hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ, kết quả nghiên cứu hoặc thành tích khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để được tuyển dụng, công nhận, bổ nhiệm hoặc hưởng chính sách ưu đãi đối với nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Lợi dụng chính sách phát triển, trọng dụng hoặc thu hút nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để trục lợi;

c) Xác nhận sai sự thật về trình độ chuyên môn, thành tích khoa học, kết quả nghiên cứu hoặc năng lực đổi mới sáng tạo của cá nhân;

d) Chiếm dụng, sử dụng sai mục đích kinh phí hỗ trợ phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Cản trở việc tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân hoặc việc thực hiện cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài khoa học, công nghệ theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2, các điểm a, b, d khoản 3 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại các điểm a, c khoản 3 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm b, d khoản 1 Điều này;

d) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm điều kiện làm việc, nghiên cứu hoặc các điều kiện hỗ trợ khác theo cam kết hoặc theo quy định của pháp luật đối với nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, cập nhật thông tin về nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

c) Không lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ hồ sơ phục vụ việc xem xét, công nhận, tuyển chọn, sử dụng nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

d) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn, sử dụng, giao nhiệm vụ cho nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Công nhận, tuyển chọn hoặc đề nghị công nhận nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc tuyển dụng, tiếp nhận, sử dụng hoặc trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Sử dụng nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng vị trí, lĩnh vực chuyên môn hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giả mạo hồ sơ, tài liệu, văn bằng, chứng chỉ, kết quả nghiên cứu hoặc thành tích khoa học nhằm được công nhận, tuyển chọn hoặc hưởng chính sách đối với nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Xác nhận sai sự thật hoặc cung cấp thông tin sai sự thật để công nhận hoặc đề nghị công nhận nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Lợi dụng chính sách thu hút, trọng dụng, hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để trục lợi;

d) Chiếm dụng hoặc sử dụng trái pháp luật kinh phí, tài sản, cơ sở vật chất được Nhà nước hỗ trợ cho nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được pháp luật bảo đảm;

e) Ép buộc, gây áp lực hoặc có hành vi can thiệp trái pháp luật đến tính độc lập chuyên môn của nhà khoa học trẻ tài năng, chuyên gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại các điểm a, c, d khoản 3 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và các điểm a, b khoản 3 Điều này;

c) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều này;

d) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm b, d khoản 1 Điều này;

đ) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

e) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 35. Vi phạm quy định về đặt, tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định về trình tự, thủ tục đặt, tổ chức xét tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ thông tin về giải thưởng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đặt hoặc tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng theo quy định;

b) Xét tặng giải thưởng cho các công trình nghiên cứu có nội dung vi phạm quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện đúng nguyên tắc bảo đảm yêu cầu độc lập, khách quan, phòng ngừa xung đột lợi ích trong quá trình xét tặng giải thưởng của Hội đồng xét tặng giải thưởng theo quy định;

d) Tổ chức xét tặng giải thưởng trái với Quy chế giải thưởng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc trái với nội dung đã công bố công khai.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đề nghị tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm mục đích thu lợi bất hợp pháp;

b) Cung cấp thông tin không trung thực trong hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng;

c) Can thiệp trái quy định trong quá trình xét tặng giải thưởng làm sai lệch kết quả;

d) Sử dụng hình thức xét tặng giải thưởng để xác nhận sai sự thật về kết quả nghiên cứu khoa học hoặc thành tích khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định về hợp tác, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định trong văn bản chấp thuận, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế hoặc chương trình hợp tác đã được phê duyệt;

b) Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu hoặc bảo vệ kết quả nghiên cứu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định;

b) Không đăng ký hoặc không thông báo với cơ quan có thẩm quyền đối với hoạt động hợp tác quốc tế thuộc trường hợp phải đăng ký hoặc thông báo theo quy định;

c) Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định;

d) Thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đối với trường hợp phải chấp thuận theo quy định;

đ) Tiếp nhận tài trợ, viện trợ, hỗ trợ kỹ thuật hoặc nguồn lực khác từ tổ chức, cá nhân nước ngoài không đúng quy định của pháp luật;

e) Chia sẻ, chuyển giao hoặc cung cấp dữ liệu, kết quả nghiên cứu, thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài không đúng phạm vi được phép;

g) Thực hiện không đúng nội dung chương trình, nhiệm vụ, dự án hợp tác quốc tế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật trong hồ sơ đề nghị chấp thuận hoặc triển khai hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Lợi dụng hoạt động hợp tác quốc tế để chuyển giao trái phép công nghệ, dữ liệu, bí quyết công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu thuộc diện hạn chế tiếp cận, hạn chế chuyển giao hoặc thuộc phạm vi bảo vệ theo quy định của pháp luật;

c) Chuyển giao, tiết lộ trái phép bí mật nhà nước, thông tin thuộc danh mục bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh hoặc dữ liệu thuộc phạm vi bảo vệ của Nhà nước thông qua hoạt động hợp tác quốc tế mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Tiếp nhận hoặc sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ, hỗ trợ quốc tế nhằm mục đích trái pháp luật hoặc không đúng nội dung được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

đ) Không thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động hợp tác quốc tế có vi phạm pháp luật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, điểm e khoản 2, các điểm b, c khoản 3 Điều này;

c) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 2, các điểm b, c khoản 3 Điều này;

d) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều này;

đ) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này;

e) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm d, đ, e, g khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 37. Vi phạm quy định về hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược gây thiệt hại lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược không đúng nội dung, mục tiêu, phạm vi hoặc điều kiện ghi trong giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản xác nhận, quyết định phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Cung cấp, công bố hoặc sử dụng thông tin không đầy đủ, không chính xác về công nghệ, sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao, công nghệ chiến lược trong quá trình thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược mà chưa thuộc trường hợp quy định tại các điều khác của Nghị định này;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các yêu cầu về bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh hoặc các yêu cầu kiểm soát rủi ro theo quy định của pháp luật có liên quan trong hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ biện pháp khắc phục, kiểm soát rủi ro theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền đối với hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược gây hại đến sức khỏe con người, môi trường, quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích công cộng.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược để xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây hậu quả xấu đến quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng, môi trường mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Đình chỉ hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 38. Vi phạm quy định về sử dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược hoặc sản phẩm, dịch vụ hình thành từ công nghệ cao, công nghệ chiến lược

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược hoặc sản phẩm, dịch vụ hình thành từ công nghệ đó không đúng mục đích, phạm vi, công năng hoặc điều kiện sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, xác nhận hoặc công bố theo quy định của pháp luật;

b) Chuyển đổi mục đích sử dụng, khai thác hoặc cung cấp công nghệ cao, công nghệ chiến lược không đúng nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật;

c) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược không đúng quy định pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 39. Vi phạm quy định về điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi về công nghệ cao, công nghệ chiến lược

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc số liệu không chính xác, làm sai lệch thông tin trong hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi nhưng chưa làm thay đổi việc xác định điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi;

b) Không báo cáo, cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chí, điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định;

c) Không thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật thông tin hoặc giải trình theo quy định sau khi được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kê khai không trung thực hồ sơ, tài liệu, số liệu hoặc tài liệu chứng minh nhằm được xác nhận là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao hoặc doanh nghiệp công nghệ chiến lược;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc số liệu sai sự thật để được xác nhận hoặc tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi;

c) Gian dối trong việc xác định doanh thu, chi phí nghiên cứu và phát triển, tỷ lệ lao động, tỷ lệ nội địa hóa hoặc tiêu chí khác để đáp ứng điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 40. Vi phạm quy định về bảo vệ bí mật công nghệ, dữ liệu và thông tin liên quan đến công nghệ cao, công nghệ chiến lược

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ biện pháp quản lý, bảo vệ bí mật công nghệ, dữ liệu hoặc thông tin thuộc phạm vi phải bảo mật theo quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, tiếp nhận, tiết lộ, sử dụng hoặc chuyển giao trái pháp luật bí mật công nghệ, dữ liệu hoặc thông tin liên quan đến công nghệ cao, công nghệ chiến lược mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bàn giao kết quả nghiên cứu, công nghệ, trang thiết bị, tài liệu cho tổ chức, cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

c) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

e) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 41. Vi phạm quy định về cản trở, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở trái pháp luật hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược của tổ chức, cá nhân khác;

b) Không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc trì hoãn việc cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động kiểm tra, đánh giá công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao hoặc thương mại hóa công nghệ cao, công nghệ chiến lược của tổ chức, cá nhân khác;

b) Cản trở hoạt động kiểm tra, đánh giá, giám sát hoặc xác nhận doanh nghiệp, sản phẩm, nhiệm vụ công nghệ cao, công nghệ chiến lược theo quy định;

c) Đe dọa, ép buộc hoặc sử dụng biện pháp trái pháp luật nhằm làm thay đổi kết quả đánh giá, kiểm tra hoặc xác nhận doanh nghiệp, sản phẩm, nhiệm vụ công nghệ cao, công nghệ chiến lược theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi cản trở hoặc can thiệp trái pháp luật làm sai lệch hoặc làm thay đổi kết quả tuyển chọn, đánh giá, xác nhận, thẩm định, xét hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi hoặc quyết định quản lý nhà nước về công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Chương III
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 42. Vi phạm quy định về trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin trong hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định;

b) Báo cáo không đầy đủ nội dung theo biểu mẫu hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

d) Không lưu giữ hồ sơ, tài liệu phục vụ việc báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu hoặc hồ sơ liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không thực hiện việc giải trình, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không thực hiện trách nhiệm công khai thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật trong báo cáo hoặc hồ sơ phục vụ công tác quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ;

b) Cản trở việc kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa hoặc làm sai lệch dữ liệu, tài liệu liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ;

b) Che giấu thông tin về công nghệ, hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp phải báo cáo, đăng ký hoặc cấp phép theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 43. Vi phạm quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ hợp đồng chuyển giao công nghệ và các tài liệu liên quan theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không lập hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng văn bản hoặc hình thức khác được coi là giao dịch bằng văn bản theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi giao kết hoặc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ không đúng với nội dung công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật liên quan đến nội dung giao kết chuyển giao công nghệ nhằm thực hiện việc chuyển giao công nghệ trái quy định của pháp luật;

b) Lợi dụng việc giao kết hoặc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ để thu lợi bất hợp pháp;

c) Thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ sau khi đã có quyết định đình chỉ, hủy bỏ hoặc chấm dứt hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm b, c khoản 4 Điều này.

Điều 44. Vi phạm quy định về đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ quá thời hạn quy định;

b) Không lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện chuyển giao công nghệ không đúng nội dung đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

b) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

c) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật hoặc sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Cho mượn, cho thuê hoặc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ được cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Thực hiện nội dung chuyển giao công nghệ sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đã bị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ hiệu lực;

e) Không thực hiện đăng ký chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp phải đăng ký theo quy định của pháp luật;

g) Không thực hiện đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ trong trường hợp pháp luật quy định phải đăng ký.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm a và d khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy công nhận bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 45. Vi phạm quy định về chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo việc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định;

b) Không thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao không đúng nội dung ghi trong Giấy phép chuyển giao công nghệ;

b) Giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao thuộc trường hợp phải được chấp thuận chuyển giao công nghệ khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

c) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung Giấy phép chuyển giao công nghệ;

d) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật hoặc sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo để được chấp thuận chuyển giao công nghệ hoặc cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ;

b) Thực hiện chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao sau khi Giấy phép chuyển giao công nghệ đã bị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ hiệu lực.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy công nhận bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

b) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 46. Vi phạm quy định về công nghệ cấm chuyển giao

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Môi giới chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

b) Tư vấn, xúc tiến hoặc hỗ trợ các bên thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

c) Quảng cáo, giới thiệu, chào bán công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao nhằm thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ;

d) Che giấu hoặc không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu sai sự thật nhằm che giấu việc chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

b) Tổ chức, chủ trì hoặc điều hành hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

c) Chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao hoặc sử dụng công nghệ không đúng với công nghệ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều này;

b) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 47. Vi phạm quy định về thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không kê khai, kê khai không đầy đủ hoặc kê khai không chính xác về Danh mục công nghệ sử dụng trong hồ sơ dự án đầu tư;

b) Cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm định sai sự thật làm sai lệch nội dung thẩm định hoặc ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư;

c) Sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo phục vụ việc thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Che giấu thông tin về công nghệ thuộc nội dung phải cung cấp theo quy định làm sai lệch nội dung thẩm định hoặc ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 48. Vi phạm quy định về sử dụng công nghệ trong dự án đầu tư đã được thẩm định

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, cập nhật thông tin về công nghệ theo quy định;

b) Không thực hiện thủ tục thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ khi có sự thay đổi về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì điều kiện theo yêu cầu đối với công nghệ thuộc trường hợp phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng công nghệ không đúng với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc ý kiến chấp thuận theo quy định;

b) Sử dụng công nghệ thuộc trường hợp phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc chấp thuận mà chưa được thẩm định hoặc chấp thuận theo quy định;

c) Sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định;

d) Không lấy ý kiến hoặc không thực hiện thủ tục để thẩm định về công nghệ đối với dự án thuộc diện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

đ) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động sử dụng công nghệ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, quản trị rủi ro, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sức khỏe con người, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc ngừng sử dụng công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu hoặc đối tượng chuyên ngành không đáp ứng điều kiện hoặc được sử dụng trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 49. Vi phạm quy định trong hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu giữ hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động đánh giá, giám định công nghệ theo quy định;

b) Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc cung cấp thông tin về hoạt động đánh giá, giám định công nghệ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ hoặc dịch vụ giám định công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

b) Bổ sung, mở rộng, thu hẹp lĩnh vực công nghệ đánh giá, giám định nhưng không thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo quy định;

c) Thực hiện không đúng phương pháp, quy trình đánh giá, giám định công nghệ đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền;

d) Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc dữ liệu sai sự thật làm sai lệch kết quả đánh giá công nghệ;

đ) Không cung cấp thông tin, tài liệu hoặc dữ liệu mà theo quy định phải được xem xét trong quá trình đánh giá, giám định công nghệ.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ nhưng không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ;

b) Kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ ngoài nội dung quy định trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đã được cấp;

c) Làm sai lệch kết quả đánh giá công nghệ, giám định công nghệ hoặc thông đồng với tổ chức, cá nhân có liên quan làm sai lệch hồ sơ, tài liệu nhằm làm sai lệch kết quả đánh giá, kết luận giám định công nghệ;

d) Cấp kết quả đánh giá, giám định công nghệ mà không thực hiện hoạt động đánh giá, giám định công nghệ theo quy định làm căn cứ để cấp kết quả, kết luận;

đ) Lợi dụng hoạt động đánh giá, giám định công nghệ để trục lợi hoặc thu lợi bất hợp pháp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hủy bỏ kết quả đánh giá, kết quả giám định, giải thưởng, kết quả thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ được xác lập đối với hành vi quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2, các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 50. Vi phạm quy định về hoạt động môi giới, tư vấn và xúc tiến chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo về hoạt động môi giới, tư vấn và xúc tiến chuyển giao công nghệ theo quy định;

b) Không lập, lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định;

c) Không cung cấp, cập nhật hoặc cung cấp, cập nhật không đầy đủ thông tin, dữ liệu theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Không bảo quản tài liệu, phương tiện được giao sau khi hoàn thành hoạt động môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ theo quy định hoặc thỏa thuận.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không giao lại cho bên sử dụng dịch vụ tài liệu, phương tiện được giao sau khi hoàn thành hoạt động môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp, công bố hoặc đăng tải thông tin sai sự thật, không có căn cứ về công nghệ, kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ, công nghệ sẵn sàng chuyển giao, nhu cầu công nghệ hoặc thông tin khác thuộc phạm vi hoạt động của tổ chức trung gian;

b) Cung cấp thông tin khi không có căn cứ, tài liệu hoặc nguồn thông tin theo quy định;

c) Cung cấp thông tin gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch công nghệ.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tiết lộ hoặc sử dụng trái quy định thông tin thuộc trách nhiệm bảo mật trong quá trình thực hiện hoạt động môi giới, tư vấn, kết nối, giao dịch hoặc xúc tiến chuyển giao công nghệ;

b) Giả mạo hồ sơ, tài liệu, làm sai lệch thông tin trong hoạt động môi giới, tư vấn, kết nối, giao dịch hoặc xúc tiến chuyển giao công nghệ mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bàn giao kết quả nghiên cứu, công nghệ, trang thiết bị, tài liệu cho tổ chức, cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc xóa, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu được công bố, cung cấp, chia sẻ hoặc tiết lộ trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, c khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này;

c) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều này;

d) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 51. Vi phạm quy định về hỗ trợ, ưu đãi trong hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc hưởng, sử dụng hoặc hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi từ hoạt động chuyển giao công nghệ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không tổng hợp hoặc tổng hợp không đầy đủ tình hình thực hiện việc hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước vào báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm trong trường hợp phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ, ưu đãi do Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kê khai không trung thực hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về hoạt động chuyển giao công nghệ để được hưởng các khoản hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu sai sự thật về việc sử dụng hoặc hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi từ hoạt động chuyển giao công nghệ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không hoàn trả hoặc hoàn trả không đầy đủ kinh phí hỗ trợ, ưu đãi đã nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc hoàn trả tài sản, kinh phí, khoản hỗ trợ, tài trợ đã nhận, chiếm dụng hoặc sử dụng trái quy định cho tổ chức, cá nhân có quyền đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc trường hợp phải giải trình, công bố, công khai, cập nhật hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này, không bao gồm khoản kinh phí hỗ trợ, ưu đãi đã được hoàn trả.

Chương IV
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 52. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 53 đến Điều 57 Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền xử phạt của mình.

2. Người thuộc lực lượng Công an nhân dân, công chức, viên chức thuộc cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt quy định từ Điều 53 đến Điều 57 Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao.

Điều 53. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra

1. Thanh tra viên có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.

2. Trưởng đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trưởng đoàn kiểm tra do Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Cục trưởng Cục Thông tin, Thống kê và Đánh giá khoa học, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công

nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Thông tin, Thống kê và Đánh giá khoa học, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Trưởng đoàn thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 54. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 55. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 40.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 60.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 56. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.

2. Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 60.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Trưởng Hải quan khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 57. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 60.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng có thời hạn: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 58. Phân định thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Thanh tra viên, Trưởng đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra của Thanh tra Chính phủ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này được phát hiện qua hoạt động thanh tra, trong phạm vi nội dung thanh tra, theo thẩm quyền quy định tại Điều 53 Nghị định này. Trưởng đoàn thanh tra thực hiện thẩm quyền xử phạt trong thời hạn thanh tra.

2. Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 53 Nghị định này. Trưởng đoàn kiểm tra thực hiện thẩm quyền xử phạt trong thời hạn kiểm tra và trong phạm vi nội dung kiểm tra được giao.

3. Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ dưới đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo thẩm quyền quy định tại Điều 53 Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Cục trưởng Cục Thông tin, Thống kê và Đánh giá khoa học đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 15, Điều 23, Điều 24, Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 29, 30, 31, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 50 và 51 Nghị định này;

c) Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ đối với hành vi vi phạm hành chính liên quan đến bảo hộ, xác định giá trị, khai thác, chuyển giao, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 2, các điểm b và đ khoản 3 Điều 16 Nghị định này;

d) Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này được phát hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được giao.

4. Trưởng đoàn kiểm tra do Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng các Cục quy định tại khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thành lập có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền của người thành lập đoàn kiểm tra quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trong thời hạn kiểm tra và trong phạm vi nội dung kiểm tra được giao, theo thẩm quyền quy định tại Điều 53 Nghị định này.

5. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này xảy ra trên địa bàn tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Sở theo thẩm quyền quy định tại Điều 53 Nghị định này. Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại

Chương II và Chương III Nghị định này được phát hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được giao trên địa bàn, theo thẩm quyền quy định tại Điều 53 Nghị định này.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này xảy ra trên địa bàn quản lý của mình theo thẩm quyền quy định tại Điều 54 Nghị định này.

7. Người có thẩm quyền xử phạt thuộc Công an nhân dân có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền quy định tại Điều 55 Nghị định này đối với hành vi vi phạm hành chính liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao quy định tại: các điểm d và đ khoản 4 Điều 15; các điểm đ và e khoản 2, các điểm b, c và d khoản 3 Điều 36; điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 37; Điều 40; điểm c khoản 2 Điều 41; khoản 3 Điều 45 và Điều 46 Nghị định này.

8. Người có thẩm quyền xử phạt thuộc cơ quan Hải quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền quy định tại Điều 56 Nghị định này đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 43, Điều 45 và Điều 46 Nghị định này được phát hiện trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh có liên quan đến chuyển giao công nghệ, thuộc phạm vi quản lý nhà nước về hải quan.

9. Người có thẩm quyền xử phạt thuộc cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền quy định tại Điều 57 Nghị định này đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 và các điểm a và b khoản 3 Điều 49 Nghị định này được phát hiện trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, hoạt động thương mại thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 01 năm 2027.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản và quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

b) Điều 3 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử.

Điều 60. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ xảy ra và kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang được xem xét, giải quyết thì áp dụng nguyên tắc có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để giải quyết khiếu nại.

4. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến ngày 28 tháng 02 năm 2027, các chức danh thuộc cơ quan Hải quan sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 52, Điều 56 và khoản 8 Điều 58 Nghị định này, gồm:

a) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu thực hiện thẩm quyền của Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định này;

b) Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực thực hiện thẩm quyền của chức danh tương ứng thuộc Hải quan khu vực quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định này;

c) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực thực hiện thẩm quyền của Trưởng Hải quan khu vực quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định này.

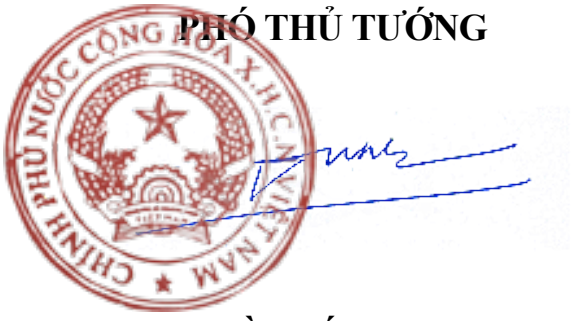
Điều 61. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hồ Quốc Dũng